

Số: /BC-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

## BÁO CÁO THẨM TRA

Về các dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách  
trình kỳ họp thứ 19 (thường lệ cuối năm 2024) - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X

Thực hiện phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách đã họp thẩm tra 13 dự thảo Nghị quyết (03 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật và 10 dự thảo nghị quyết cá biệt) thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách trình tại kỳ họp thứ 19 (thường lệ cuối năm 2024) - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thẩm tra như sau:

### A. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN MUA SẴM TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ; QUY ĐỊNH PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI TẠO, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG, XÂY DỰNG MỚI HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬ DỤNG NGUỒN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG

#### 1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 (Lập dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị): “Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương”.

Và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 (Lập dự toán đối với nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng): “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương”.

Tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: Chi tiết

*điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.*

Từ các cơ sở nêu trên, việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền.

## **2. Về nội dung**

Qua xem xét nội dung Tờ trình số 6900/TTr-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND có ý kiến như sau:

- Việc ban hành Nghị quyết sẽ tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện lập, quản lý, sử dụng dự toán ngân sách nhà nước, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng, kết quả hoạt động tại các cơ quan đơn vị. Đồng thời, cũng thực hiện đúng chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo nghị quyết, đề nghị bỏ: “căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;”

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## **II. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM TÀI SẢN CÔNG, THUÊ TÀI SẢN, KHAI THÁC VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG; MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ, VẬT TIÊU HAO; HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYỀN; XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG**

### **1. Về thẩm quyền và sự cần thiết**

Ngày 10/12/2021, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương và được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 26/7/2023, Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 01/11/2023. Các Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện việc phân cấp theo các Nghị quyết nêu trên phát sinh một số vướng mắc, bất cập như chưa thống nhất giữa các quy định của Trung ương theo ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp. Đồng thời, Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 30/10/2024; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 10/7/2024; Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 16/9/2024.

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020: “*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó*”.

Từ những cơ sở nêu trên, để kịp thời cụ thể hóa các nội dung trong văn bản cấp trên giao, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, vừa tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện mua sắm tài sản công, . . . Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản, khai thác và xử lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương thay thế Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021, Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 26/7/2023, Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 01/11/2023 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

## **2. Về nội dung**

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến về nội dung quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản, khai thác và xử lý tài sản công; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Dương cơ bản đều thống nhất.

Các nội dung quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, thuê tài sản, khai thác tài sản công; xử lý tài sản công; xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao; đầu tư, mua sắm, thuê các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số

24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

### **III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 20/2019/NQ-HĐND NGÀY 12/12/2019 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỀ BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT GIAI ĐOẠN 2020 - 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

#### **1. Về thẩm quyền và sự cần thiết**

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND: “... quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, ...”.

Thực hiện quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trên cơ sở đó UBND tỉnh ban hành Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương và áp dụng đến thời điểm hiện tại. Đến hết năm 2024, bảng giá đất này sẽ đến thời điểm hết hiệu lực.

Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2024, tại khoản 1 Điều 257 có quy định: “*Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được tiếp tục áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025; trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh bảng giá đất theo quy định của Luật này cho phù hợp với tình hình thực tế về giá đất tại địa phương*”.

Ngày 08/02/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có Công văn số 413/UBTVQH15-CTĐB về việc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất: “*UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất*”.

Và theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) có quy định: “*...văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó ...*”

Từ các cơ sở nêu trên, việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền.

## 2. Về nội dung

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND có ý kiến như sau:

\* Bảng giá đất được áp dụng cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 159 và khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024<sup>1</sup>.

\* Một số quy định mới trong Bảng giá đất điều chỉnh:

- Thực hiện điều chỉnh bảng giá các loại đất với mức tăng bình quân không vượt quá từ 10% đến 15% so với giá đất tính theo hệ số điều chỉnh năm 2024. Quy định giá đất các khu tái định cư có quỹ đất dự kiến bố trí tái định cư trong năm 2025 theo nguyên tắc thị trường. Thực hiện điều chỉnh giá đất giữa các tuyến đường, giữa các huyện, thành phố; nâng loại đường của các tuyến đường để đảm bảo hài hòa giá đất giữa các tuyến, đoạn đường.

- Xây dựng và điều chỉnh mức giá đất nuôi trồng thủy sản theo từng vị trí tương tự như các loại đất nông nghiệp còn lại (theo Bảng giá đất hiện hành, đất nuôi trồng thủy sản chỉ quy định một mức giá bằng nhau cho nhiều vị trí). Mức giá nuôi trồng thủy sản sẽ bằng mức giá của đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác.

- Bổ sung bảng giá một số loại đất: đất chăn nuôi tập trung: áp dụng bằng mức giá đất trồng cây lâu năm và đất nông nghiệp khác; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: áp dụng bằng 65% giá đất ở; đất công trình cấp nước, thoát nước, đất công trình phòng, chống thiên tai: áp dụng bằng giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong trường hợp đất sử dụng có mục đích kinh doanh và áp dụng bằng 65% giá đất ở trong trường hợp đất sử dụng không có mục đích kinh doanh.

- Điều chỉnh giá đất tôn giáo; đất tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng áp dụng bằng 65% giá đất ở (trước đây tính theo giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ và đất trồng cây lâu năm) cho phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP.

---

<sup>1</sup> (1) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân; chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; (2) Tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm; (3) Tính thuế sử dụng đất; (4) Tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân; (5) Tính lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai; (6) Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; (7) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai; (8) Tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với hộ gia đình, cá nhân; (9) Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng; (10) Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; (11) Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê; (12) Giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư đối với người được bồi thường về đất ở, người được giao đất ở tái định cư trong trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất ở là giá đất được xác định theo bảng giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Phân loại các tuyến đường trên địa bàn 07 xã (bao gồm: Vĩnh Tân, Hội Nghĩa, Phú Chánh và Tân Vĩnh Hiệp thuộc thành phố Tân Uyên; xã Tân Bình thuộc huyện Bắc Tân Uyên và xã An Điền, An Tây thuộc thành phố Bến Cát) được nâng cấp thành lên phường và thị trấn theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để áp dụng mức giá đối với khu vực đô thị.

- Bổ sung phạm vi áp dụng bảng giá đất cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 159 và khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024 (quy định 12 trường hợp áp dụng Bảng giá các loại đất, mở rộng phạm vi áp dụng bảng giá đất so với quy định của Luật Đất đai năm 2013).

- Bổ sung quy định giá đối với trường hợp thửa đất đó có cạnh tiếp giáp với nhiều đường thì giá đất tính tăng thêm 10%.

- Sửa đổi nội dung giải thích về đường được áp dụng để áp giá đất trong quy định bảng giá các loại đất để đảm bảo việc áp dụng thống nhất, thuận lợi trong quá trình áp dụng.

- Sửa đổi, bổ sung tổng cộng 2.585 đoạn, tuyến đường do mở tuyến mới, được đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, đặt tên mới, còn thiếu, ... chưa được bổ sung trong bảng giá đất hiện hành, cụ thể: Thêm đoạn, tuyến: 1.597 tuyến; nâng loại đường: 530 tuyến; giảm loại đường: 03 tuyến; đính chính, đổi tên đường: 49 tuyến; điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối: 371 tuyến; xếp loại do nâng từ xã lên thành phường, thị trấn: 35 tuyến.

- Bổ sung quy định xử lý trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, nhập, chia, điều chỉnh đơn vị hành chính hoặc đặt tên, đổi tên đường: bảng giá các loại đất của đơn vị hành chính, tuyến đường đó tiếp tục áp dụng cho đến khi được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

Theo Tờ trình của UBND tỉnh, đây là phương án chuyển tiếp, giúp tiếp tục thu hẹp dần khoảng cách giữa bảng giá đất trên địa bàn tỉnh và giá đất phổ biến trên thị trường, nhằm thực hiện lộ trình từng bước xây dựng bảng giá đất theo nguyên tắc thị trường để áp dụng từ ngày 01/01/2026, tránh cú sốc tăng giá đột biến ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, tác động đến nhiều hoạt động đời sống xã hội, nhưng vẫn đảm bảo không gây thất thu ngân sách nhà nước. Bảng giá các loại đất được điều chỉnh theo đúng tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy mức tăng bình quân không vượt quá từ 10% đến 15% tại Thông báo kết luận số 947-TB/TU ngày 02/12/2024.

Qua họp thẩm tra, một số đại biểu đã có ý kiến về một số nội dung giá đất quy định quá cao, chưa phù hợp với chỉ đạo tăng bình quân không vượt quá từ 10% đến 15%. Ban đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát lại để chỉnh sửa, hoàn thiện. UBND tỉnh đã có báo cáo giải trình tiếp thu chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của đại biểu HĐND tỉnh và gửi lại dự thảo nghị quyết hoàn thiện trình tại kỳ họp. Ban thống nhất về sự cần thiết thông qua HĐND tỉnh về việc điều chỉnh Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 – 2024. Đề nghị UBND tỉnh rà soát đảm bảo tính chính xác của dữ liệu, nội dung

điều chỉnh chi tiết, nguyên tắc xây dựng giá đất, phương pháp xác định giá đất theo đúng quy định pháp luật.

\* Đối với dự thảo Nghị quyết: Ban đề nghị bổ sung quy định nội dung về thời gian áp dụng nghị quyết về bảng giá đất này đến hết năm 2025.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **B. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CÁ BIỆT**

### **I. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT PHÊ CHUẨN QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN, QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**

#### **1. Về thẩm quyền và sự cần thiết**

Ngày 12/12/2022, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 39/NQ-HĐND về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023. Ngày 01/11/2023, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 34/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 19 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 3 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp “*Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương*”; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm. Để việc quản lý và sử dụng NSNN đảm bảo chặt chẽ, thống nhất, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; đồng thời làm cơ sở đánh giá việc chấp hành và điều hành ngân sách nhà nước sau một năm thực hiện, từ đó đề ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành, quản lý ngân sách tốt hơn cho phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

#### **2. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết**

##### **a) Về quyết toán thu ngân sách nhà nước**

- Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế xã hội trên địa bàn được quyết toán là 69.499.986.747.806 đồng, đạt 106% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 93% dự toán HĐND tỉnh thông qua, bao gồm:

+ Thu nội địa quyết toán là 53.275.305.023.690 đồng, đạt 118% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 112% dự toán HĐND tỉnh thông qua.

+ Thu từ lĩnh vực xuất nhập khẩu quyết toán 16.224.681.724.116 đồng, bằng

80% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua.

- Số thu từ kinh tế xã hội ngân sách địa phương được hưởng quyết toán là 28.809.312.863.940 đồng, đạt 136% dự toán HĐND tỉnh thông qua.

Kết quả thực hiện có 08/17 khoản thu hoàn thành vượt dự toán Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao, trong đó, các khoản thu lớn đạt khá cao so với dự toán giao như thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 14.743 tỷ đồng, đạt 106% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 104% dự toán HĐND tỉnh thông qua; thu tiền sử dụng đất 4.219 tỷ đồng, đạt 169% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 121% dự toán HĐND tỉnh thông qua; thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước 5.982 tỷ đồng, đạt 1.088% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 1.031% dự toán HĐND tỉnh thông qua; thu khác ngân sách 1.314 tỷ đồng, đạt 175% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 163% dự toán HĐND tỉnh thông qua; thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế 2.895 tỷ đồng, đạt 353% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán) 2.049 tỷ đồng, đạt 123% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua. Có 05/17 khoản thu không đạt dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, trong đó đạt dự toán thấp nhất là khoản thu thuế bảo vệ tài nguyên môi trường đạt 66% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh. 01/17 khoản thu không giao dự toán, thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước 1 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với kết quả quyết toán thu ngân sách nhà nước của UBND tỉnh và cho rằng: Trong năm 2023, tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương đã tích cực khai thác các nguồn thu nên thu ngân sách nhà nước năm 2023 vượt dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

Tuy nhiên, thu từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất để chi xây dựng cơ bản: 6.721 tỷ đồng không thực hiện được. UBND tỉnh đã quyết liệt, tích cực rà soát, triển khai sớm các thủ tục theo quy định để đưa các khu đất dự kiến vào đấu giá. Để đảm bảo tính hiệu quả, đúng quy định, phù hợp quy hoạch nên việc triển khai thực hiện Đề án còn khá chậm; tỉnh cũng rất nỗ lực phấn đấu đến cuối năm 2023 nhưng vẫn không thực hiện được nguồn thu này. Trên cơ sở rà soát, khai thác tối đa các nguồn thu khác như thu tiền thuê đất, thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu hồi nguồn vốn Quỹ phát triển đất, sử dụng tăng thu từ tiền sử dụng đất và hoạt động xổ số kiến thiết của năm 2022<sup>2</sup>,... đảm bảo bù đắp khoản hụt thu và không điều chỉnh giảm dự toán đã được HĐND tỉnh thông qua đầu năm<sup>3</sup>.

Ngày 03/01/2024, UBND tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tại Công văn số 06/UBND-KT về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà

<sup>2</sup> Công văn số 457/HĐND-KTNS ngày 15/11/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương về việc cho ý kiến sử dụng nguồn tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết và thu tiền sử dụng đất năm 2022.

<sup>3</sup> UBND tỉnh đã có Báo cáo số 378/BC-UBND ngày 30/11/2023 tại kỳ họp thứ 13 - HĐND khóa X, kỳ họp cuối năm 2023.



nước năm 2023, trong đó nguồn vốn ngân sách địa phương đủ đảm bảo 91% so với dự toán vốn đầu tư công đầu năm. Trên cơ sở ước tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công cả năm đạt 87% kế hoạch được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh đã không trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh dự toán thu, chi năm 2023. Thực tế, kết thúc năm ngân sách, kết quả giải ngân vốn đầu tư công đạt 87,9% (bao gồm vốn kéo dài sang năm 2024).

#### b) Về quyết toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách địa phương được quyết toán 61.114.661.835.004 đồng, đạt 176% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó, quyết toán chi cân đối ngân sách là 36.268 tỷ đồng, đạt 105% dự toán HĐND tỉnh. Chi đầu tư phát triển là 25.879 tỷ đồng, đạt 112% dự toán HĐND tỉnh. Chi thường xuyên 10.298 tỷ đồng, đạt 98% dự toán HĐND tỉnh giao.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy chi ngân sách năm 2023 cơ bản đáp ứng được các hoạt động của bộ máy nhà nước, đảm bảo ưu tiên cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, một số nội dung, nhiệm vụ chi không đạt dự toán, nguyên nhân do cắt giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết, tiết kiệm chi thường xuyên; giảm kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm, hội nghị, hội thảo, khánh tiết, các nhiệm vụ chi chưa thực hiện được, cụ thể:

+ Chi các hoạt động kinh tế: 1.044 tỷ đồng, đạt 58% dự toán HĐND tỉnh thông qua<sup>4</sup>.

+ Chi khoa học và công nghệ: 29 tỷ đồng, đạt 34% dự toán TTCP giao và đạt 56% dự toán HĐND tỉnh thông qua<sup>5</sup>.

+ Chi phát thanh truyền hình, thông tấn: 44 tỷ đồng, đạt 54% so với dự toán HĐND tỉnh thông qua<sup>6</sup>.

Đồng thời, một số nội dung chi tăng chủ yếu do bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao chưa được bố trí dự toán, tăng mức lương cơ sở theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP, chuyển nguồn năm trước chuyển sang năm 2023 thanh toán, cụ thể:

+ Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 1.940 tỷ đồng, đạt 120% dự toán HĐND tỉnh thông qua<sup>7</sup>.

+ Chi văn hóa thông tin: 204 tỷ đồng, đạt 123% so với dự toán HĐND tỉnh thông qua<sup>8</sup>.

<sup>4</sup> Tiết kiệm trong công tác đấu thầu; Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống giám sát điều hành giao thông, các hoạt động, nhiệm vụ chuyên môn không thực hiện được nên hủy dự toán.

<sup>5</sup> Trong năm do Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương hủy dự toán 2 tỷ đồng, giảm nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng xuất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa số tiền 2 tỷ đồng, kinh phí chuyên môn không thực hiện được nên giảm dự toán,...

<sup>6</sup> Kinh phí mua máy phát thanh FM và truyền dẫn kênh BTV1 ra phạm vi ngoài tỉnh chưa thực hiện được nên giảm dự toán và chuyển nguồn sang năm sau số tiền 5 tỷ đồng.

<sup>7</sup> Bổ sung kinh phí cho Sở ngoại vụ 13 tỷ đồng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, Tỉnh ủy 10 tỷ đồng,...

<sup>8</sup> Bổ sung cho Sở Thông tin và Truyền thông 11 tỷ đồng...

+ Bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh cho các đơn vị khối tỉnh trong năm 2023 do tăng mức lương cơ sở theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP hơn 25 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách đánh giá cao sự điều hành linh hoạt trong thu, chi ngân sách năm 2023, UBND tỉnh đã tích cực khai thác tối đa các nguồn thu khác để bù đắp khoản hụt thu, phân đấu hoàn thành dự toán thu, chi ở mức cao nhất và không điều chỉnh giảm dự toán đã được HĐND tỉnh thông qua đầu năm; đảm bảo được nhu cầu chi thực tế của tỉnh trong chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi thường xuyên, tăng chi trợ cấp cho các huyện, thành phố mất cân đối thu, chi NSDP để bù đắp hụt thu của các huyện, thành phố. Tuy nhiên, Ban đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo trong xây dựng và thực hiện đạt dự toán ngân sách năm 2025; đồng thời, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát các đề xuất, kiến nghị của thanh tra, kiểm toán trong thực hiện thu, chi ngân sách để giải trình hoặc có giải pháp khắc phục các tồn tại (nếu có).

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **II. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN; THU, CHI VÀ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025**

### **1. Về sự cần thiết và thẩm quyền**

Căn cứ khoản 6 Điều 44 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015: “trước ngày 10/12, HĐND cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau...”. Theo đó, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất về sự cần thiết và thẩm quyền HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025.

### **2. Nội dung**

#### **a) Về dự toán thu ngân sách**

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 80.724.505 triệu đồng, bao gồm:

- Tổng thu từ kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh: 74.319.865 triệu đồng, trong đó:
  - + Thu nội địa: 56.119.865 triệu đồng.
  - + Thu từ lĩnh vực xuất, nhập khẩu: 18.200 tỷ đồng.
- Thu từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất: 6.404.640 triệu đồng.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy dự toán thu ngân sách năm 2025 được xây dựng tăng 12% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Dự toán thu này là phù hợp, khả thi với tình hình phát triển kinh tế và khả năng thực hiện các nguồn thu của tỉnh. Riêng đối với nguồn thu từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất: 6.404.640 triệu đồng, Ban đề nghị UBND tỉnh tập trung chỉ đạo ngay từ đầu năm, đẩy mạnh triển khai các thủ tục và tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để sớm thực hiện đạt nguồn thu này trong năm 2025.

## b) Về dự toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách địa phương 52.488.066 triệu đồng, tăng 62% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó: tổng chi xây dựng cơ bản: 36.000 tỷ đồng, chiếm 68,58% tổng chi ngân sách địa phương (gồm: chi từ nguồn cân đối ngân sách địa phương: 11.560 tỷ đồng; chi chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương bổ sung: 3.132 tỷ 090 triệu đồng; bổ sung từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của NSTW 4.000 tỷ đồng; chi từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất: 6.404 tỷ 640 triệu đồng; chi từ nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh còn dư: 10.000 tỷ đồng, bội chi ngân sách địa phương: 903 tỷ 200 triệu đồng).

Chi thường xuyên: 13.424 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 47% tổng chi cân đối NSDP, bằng 107% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó, chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề 5.142 tỷ; chi khoa học và công nghệ 65 tỷ.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy dự toán chi NSNN năm 2025 tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên, phù hợp tinh thần chỉ đạo của Trung ương trong xây dựng dự toán. Ban có một số kiến nghị sau:

- Về dự toán chi khoa học và công nghệ: 65 tỷ đồng, thấp hơn dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (90 tỷ 009 triệu đồng), theo giải trình của UBND tỉnh, dự toán này được xây dựng trên cơ sở nhu cầu thực tế của ngành. Tuy nhiên, Ban đề nghị trong quá trình thực hiện dự toán, nếu phát sinh nhu cầu chi khoa học công nghệ đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo bổ sung kinh phí kịp thời, đảm bảo đủ nguồn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Theo Tờ trình của UBND tỉnh, dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2025 chưa có nguồn lực để thực hiện các chính sách đặc thù của địa phương được ban hành phát sinh chi trong năm 2025, Ban đề nghị trong quá trình thực hiện dự toán năm 2025, UBND tỉnh chỉ đạo điều hành linh hoạt để đảm bảo có nguồn chi cho các chế độ chính sách đặc thù mà HĐND tỉnh đã thông qua, không làm mất đi tính hiệu lực, hiệu quả, khả thi của các chính sách được ban hành. Đồng thời, UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tích cực rà soát lại các chính sách đặc thù để đánh giá hiệu quả, tính phù hợp để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ đối với các chính sách không còn phù hợp.

- Dự toán ngân sách năm 2025 tập trung nguồn lực rất lớn cho đầu tư công: 36.000 tỷ đồng, tăng 14.000 tỷ đồng so năm 2024. Do vậy, Ban đề nghị trong năm 2025, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo quyết liệt các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư triển khai thực hiện có hiệu quả vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình dự án, đảm bảo thực hiện đạt dự toán chi ngân sách năm 2025 đã đề ra.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

### **III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC SỬA ĐỔI NGHỊ QUYẾT SỐ 34/NQ-HĐND NGÀY 28/10/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG VỀ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN; THU, CHI VÀ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

#### **1. Sự cần thiết và thẩm quyền**

Căn cứ khoản 5 Điều 30 của Luật Ngân sách nhà nước thì HĐND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết.

Ngày 28/10/2024, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 34/NQ-HĐND<sup>9</sup> ngày 28 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024.

Theo tình hình thực tế hiện nay có một số nội dung phát sinh cần điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách địa phương như điều chỉnh tăng thu tiền sử dụng đất, điều chỉnh giảm thu ngân sách nhà nước từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất, do không thực hiện được.

Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### **2. Về nội dung**

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy nội dung điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, cụ thể như sau:

##### **a) Về nguồn vốn**

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 là 75.891 tỷ 056 triệu đồng; điều chỉnh giảm 6.721.621 triệu đồng vốn từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất, do chưa thực hiện được và tăng 1.764.000 triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất. Tổng vốn điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 sau điều chỉnh là 70.933 tỷ 435 triệu đồng.

##### **b) Về nội dung điều chỉnh**

- Bổ sung thu tiền sử dụng đất từ 4.750 tỷ đồng thành 6.514 tỷ đồng, tăng 1.764 tỷ đồng.

- Bổ sung chi đầu tư phát triển từ 11.813 tỷ 505 triệu đồng thành 13.577 tỷ 505 triệu đồng, tăng 1.764 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm thu ngân sách nhà nước từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất là 6.721.621 triệu đồng, giảm chi đầu tư xây dựng cơ bản từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất là 6.721.621 triệu đồng.

<sup>9</sup> Thay thế Nghị quyết 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh Bình Dương.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy việc điều chỉnh này là cần thiết, phù hợp quy định Luật Ngân sách nhà nước.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

#### **IV. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CHO Ý KIẾN MỨC TỶ LỆ (%) ĐỂ XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ THUÊ ĐẤT; MỨC TỶ LỆ (%) ĐỂ TÍNH TIỀN THUÊ ĐỐI VỚI ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM, ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

##### **1. Về thẩm quyền và sự cần thiết**

Trên cơ sở quy định của Luật Đất đai năm 2013, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 quy định mức tỷ lệ phần trăm để xác định đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 không còn phù hợp Luật Đất đai 2024 và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 (Đơn giá thuê đất): “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp”.

Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 (Đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm): “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp”.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 (Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước): “Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp”.

Do vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét cho ý kiến về mức tỷ lệ (%) để xác định đơn giá thuê đất; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền.

##### **2. Về nội dung**

Trên cơ sở xem xét nội dung Tờ trình số 6701/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách có một số ý kiến như sau:

- Đề nghị UBND tỉnh bỏ cụm từ “công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất” trên phần trích yếu dự thảo Nghị quyết và tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết. Do nội dung này quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024, không thuộc nội dung phải xin ý kiến HĐND tỉnh.

- Về mức tỷ lệ (%) để xác định đơn giá thuê đất: dự thảo Nghị quyết là 1%, bằng mức quy định tại Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 và phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26<sup>10</sup> Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

- Về mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm: 30% của đơn giá thuê đất, bằng mức quy định tại Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND và phù hợp điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP<sup>11</sup>.

- Về mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước: 50% của đơn giá thuê đất, bằng mức quy định tại Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND và phù hợp mức tỷ lệ quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP<sup>12</sup>.

Như vậy, các mức tỷ lệ (%) được giữ nguyên so với Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22/7/2014<sup>13</sup> và phù hợp với các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26, điểm c khoản 2 Điều 27 và khoản 3 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP. Ban đề nghị chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Khoản 2 Điều 1 đề nghị bổ sung "... theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai".

- Đề nghị điều chỉnh lại nội dung Điều 2 dự thảo Nghị quyết: "Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương ban hành Quyết định quy định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất".

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **V. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (LẦN 6)**

### **1. Sự cần thiết và thẩm quyền**

- Căn cứ khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công quy định: HĐND các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:

- + Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- + Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng

<sup>10</sup> Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm là từ 0,25% đến 3%.

<sup>11</sup> Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính theo mức bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất; Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính theo mức bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

<sup>12</sup> Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính theo mức không thấp hơn 20% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

<sup>13</sup> Các mức tỷ lệ để xác định đơn giá đất và mức tỷ lệ để tính tiền thuê đất căn cứ vào các quy định tại Điều 4, 5, 6 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

huy động các nguồn vốn của địa phương;

+ Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và được điều chỉnh tại các Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/4/2022, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 20/10/2022, Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/12/2022, Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 01/11/2023, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/8/2024.

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 bước sang năm cuối của giai đoạn, căn cứ tình hình thực tế hiện nay có nhiều thay đổi, một số dự án đã hoàn thành, quyết toán có nhu cầu điều chỉnh vốn; một số dự án trong quá trình triển khai thực tế vượt tiến độ đề ra, phát sinh chi phí cần thực hiện để hoàn thành có nhu cầu bổ sung vốn; một số dự án chậm tiến độ không giải ngân hết vốn được giao cần phải điều chuyển vốn sang các dự án khác để đảm bảo mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công.

Do vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 (lần 6) là cần thiết và đúng thẩm quyền, tạo cơ sở pháp lý để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

## **2. Về nội dung**

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 lần này chủ yếu điều chỉnh một số nội dung như sau:

- Giảm vốn đối với 57 dự án với số vốn giảm là 1.956 tỷ 972 triệu đồng, bao gồm: đưa ra khỏi kế hoạch vốn 06 dự án với số vốn là 292 tỷ 100 triệu đồng; điều chỉnh giảm vốn cho 51 dự án với số vốn giảm là 1.664 tỷ 872 triệu đồng.

Qua thẩm tra Ban nhận thấy các dự án điều chỉnh ra khỏi kế hoạch, giảm vốn là các dự án chưa có nhu cầu cấp thiết để đầu tư trong giai đoạn này; giảm vốn theo giá trị quyết toán, giảm vốn theo chi phí đầu tư thực tế, giảm vốn chưa xác định vị trí xây dựng, giảm vốn kéo dài sang giai đoạn sau...để đảm bảo việc sử dụng vốn đạt được hiệu quả, tỷ lệ giải ngân cao và hoàn thành kế hoạch vốn đề ra, Ban thống nhất điều chỉnh giảm vốn để điều chuyển số vốn giảm sang cho các công trình dự án đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện dự án là phù hợp.

- Bổ sung vốn cho 66 dự án, 9 nhiệm vụ với số vốn bổ sung là 10.176 tỷ 683 triệu đồng, bao gồm: bổ sung mới 37 dự án với số vốn là 9 tỷ 700 triệu đồng và 09 nhiệm vụ chi bổ sung vốn cho các huyện, thành phố thực hiện chỉnh trang đô thị vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 với số vốn 2.600 tỷ đồng; điều chỉnh tăng vốn cho 29 dự án với số vốn tăng thêm là 7.566 tỷ 983 triệu đồng.

Qua thẩm tra Ban nhận thấy nội dung điều chỉnh bổ sung vốn lần này chủ yếu tập trung vốn cho các dự án trọng điểm, các dự án quyết toán, dự án hoàn thành, bổ sung vốn cho các dự án để đẩy nhanh tiến độ. Do vậy, việc điều chỉnh bổ

sung vốn này là cần thiết, phù hợp với chỉ đạo của trung ương và tỉnh tập trung nguồn vốn đầu tư các công trình trọng điểm, nhằm tạo tính kết nối, phục vụ cho phát triển kinh tế.

- Bổ sung vào nguồn dự phòng là 1.780 tỷ 289 triệu đồng, nguồn dự phòng sau điều chỉnh là 2.868 tỷ 653 triệu đồng.

- Điều chỉnh chuyển nguồn vốn từ vốn tỉnh tập trung sang vốn xổ số kiến thiết cho Dự án thành phần 5: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua tỉnh Bình Dương (bao gồm nút giao Tân Vạn và cầu Bình Gỏi) là 400 tỷ đồng để điều hòa nguồn vốn xổ số kiến thiết chưa phân bổ hết trong năm 2025.

- Điều chuyển 148 tỷ 082 triệu đồng từ nguồn vốn phân cấp theo tiêu chí giữa các huyện, thành phố<sup>14</sup> theo Kết luận số 90/KL-TTr ngày 12/8/2024 của Thanh tra Bộ Tài chính. Do số liệu thống kê tiêu chí hộ nghèo và số thu nội địa không đúng dẫn đến tính toán, phân bổ vốn theo tiêu chí, định mức cho các huyện, thành phố trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 chưa đúng do đó phải tính toán phân bổ lại cho các thành phố.

- Về tổng vốn của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 điều chỉnh lần này là 79.562 tỷ 100 triệu đồng, tăng 10.000 tỷ đồng từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh so kế hoạch đầu tư công trung hạn mà HĐND tỉnh đã thông qua.

### **3. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh**

- Đề nghị sửa tên dự thảo Nghị quyết thành: “*Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương (lần 6)*”.

- Để thuận lợi trong quá trình áp dụng văn bản, Ban thống nhất với hình thức ban hành nghị quyết thay thế các nghị quyết về đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 theo Tờ trình của UBND tỉnh.

Sau khi kế hoạch điều chỉnh được HĐND tỉnh thông qua, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo khẩn trương triển khai, tổ chức thực hiện, đề ra các giải pháp, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhất là trong công tác bồi thường, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo hiệu quả trong sử dụng vốn đầu tư công.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **VI. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (LẦN 2)**

### **1. Sự cần thiết và thẩm quyền**

Căn cứ khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công quy định: HĐND các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương.

<sup>14</sup> Điều chuyển nguồn từ các huyện Phú Giáo, Dầu Tiếng, Bắc Tân Uyên, Bàu Bàng và thành phố Bến Cát với tổng số tiền cho thành phố Thủ Dầu Một, Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên với tổng số tiền 148 tỷ 082 triệu đồng.



Ngày 08/12/2023, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 48/NQ-HĐND về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách địa phương, điều chỉnh lần 1 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2024.

Trong quá trình triển khai thực hiện, do có sự thay đổi về nhu cầu sử dụng và khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch cho nên cần phải thực hiện điều chỉnh giảm vốn, tăng vốn, bổ sung mới, ngưng bố trí vốn đối với một số công trình, dự án chưa thật sự cần thiết, đề tập trung vốn bố trí cho các công trình trọng điểm. Mặt khác, nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 phụ thuộc vào nguồn thu từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất, đến nay chưa thực hiện được, do đó cần điều chỉnh giảm nguồn vốn để không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

## 2. Về nội dung

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy nội dung điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (lần 3), cụ thể như sau:

### a) Về nguồn vốn kế hoạch

Tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2024 là 22.000 tỷ đồng, giảm 6.721.621 triệu đồng vốn từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất, do chưa thực hiện được và tăng 1.764.000 triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất. Tổng vốn điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách nhà nước sau điều chỉnh là 17.042.379 triệu đồng.

### b) Về nội dung điều chỉnh

- Giảm vốn 104 dự án với số vốn giảm là 5.357 tỷ 315 triệu đồng, bao gồm: đưa ra khỏi kế hoạch 47 dự án với số vốn là 17 tỷ 899 triệu đồng; điều chỉnh giảm vốn 57 dự án trong kế hoạch vốn với số vốn giảm là 5.339 tỷ 416 triệu đồng.

- Bổ sung vốn cho 29 dự án với số vốn bổ sung là 399 tỷ 694 triệu đồng, bao gồm: bổ sung mới 04 dự án với số vốn là 7 tỷ 786 triệu đồng; điều chỉnh tăng vốn cho 25 dự án với số vốn là 391 tỷ 908 triệu đồng<sup>15</sup>. Nguồn vốn bổ sung từ nguồn vốn điều chỉnh giảm.

### - Về các dự án bố trí vốn quá thời gian

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, bố trí vốn cho 33 dự án<sup>16</sup> bố trí vốn quá thời gian là phù hợp thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công, các dự án này đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 giao kế hoạch đầu năm. Tuy nhiên, UBND tỉnh trình

<sup>15</sup> 05 dự án trọng điểm với số vốn tăng là 211 tỷ 491 triệu đồng, 6 dự án quyết toán với số vốn là 6 tỷ 206 triệu đồng, 14 dự án khác với số vốn tăng là 174 tỷ 211 triệu đồng.

<sup>16</sup> Theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND bố trí vốn kéo dài 35 dự án, nay UBND trình bỏ khỏi danh mục là 02 dự án: Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến đường Tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng. Xây dựng hàng rào rừng Kiên An xã An Lập.

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết theo hình thức Nghị quyết mới thay thế nên để đảm bảo tính liên tục về mặt pháp lý thì Nghị quyết mới kế thừa lại nội dung cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện cho 33 dự án.

### **3. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh**

- Đề nghị sửa tên dự thảo Nghị quyết thành: “*Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách nhà nước (lần 2)*”.

- Các dự án đưa ra khỏi kế hoạch vốn chủ yếu là các dự án không kịp thực hiện các thủ tục nên không giải ngân được, dự án đang lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, chưa cân đối được nguồn vốn để thực hiện các bước tiếp theo nên không có khối lượng thanh toán, chưa có vị trí xây dựng; các dự án giảm vốn do vướng mặt bằng ảnh hưởng đến tiến độ thi công, dự án hết khối lượng thanh toán, vướng thủ tục đầu tư chưa thể thực hiện, giảm chi phí giải phóng mặt bằng... Điều chỉnh giảm vốn để chuyển sang cho các dự án thực hiện có khối lượng; đảm bảo tỷ lệ giải ngân vốn năm 2024, đảm bảo mục tiêu đầu tư công. Tuy nhiên, lưu ý các công trình giảm vốn do triển khai thực hiện chậm tiến độ, Ban đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chấn chỉnh, nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong đảm bảo tiến độ thực hiện các công trình dự án.

Đồng thời, Ban đề nghị trong thời gian tới UBND tỉnh cần chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, đánh giá thật kỹ các công trình, dự án trước khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư công, hạn chế việc sau thời gian thực hiện kế hoạch phải loại bỏ ra khỏi kế hoạch, nhằm đảm bảo tính ổn định của kế hoạch vốn, đảm bảo tiến độ giải ngân và nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Các dự án bổ sung vốn chủ yếu là các dự án, công trình trọng điểm đã hoàn thành thủ tục đầu tư, đủ điều kiện bố trí vốn thực hiện; dự án trong quá trình triển khai thực tế vượt tiến độ đề ra, điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do tăng chi phí giải phóng mặt bằng và dự án có nhu cầu bổ sung vốn để thực hiện quyết toán. Ban nhận thấy điều chỉnh tăng vốn lần này chủ yếu bổ sung vốn tập trung cho các công trình trọng điểm với số vốn là 211 tỷ 491 triệu đồng chiếm 52,9% vốn bổ sung.

- Ban đề nghị UBND tỉnh sau khi kế hoạch điều chỉnh được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh cần chỉ đạo khẩn trương triển khai, tổ chức thực hiện, đề ra các giải pháp, tháo gỡ các vướng mắc phát sinh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 điều chỉnh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Để thuận lợi trong quá trình áp dụng văn bản, Ban thống nhất với hình thức ban hành nghị quyết thay thế các nghị quyết về đầu tư công năm 2024 theo Tờ trình của UBND tỉnh.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## VII. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### 1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Căn cứ khoản 5 Điều 61 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định về trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước:

*“Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ chi tiết mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm sau, danh mục, mức vốn bố trí của từng dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới, gửi phương án phân bổ chi tiết cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ và theo dõi thực hiện.”*

Và tại khoản 1, khoản 2 Điều 63 Luật Đầu tư công năm 2019: *“1. Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.*

*2. Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án”.*

Từ các quy định trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

### 2. Về nội dung

Qua thẩm tra nội dung Tờ trình số 6838/TTr-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

#### \* Về nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách nhà nước là 36.000 tỷ đồng. Trong đó: nguồn vốn ngân sách chi cho đầu tư công năm 2025 theo Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ là 19.595 tỷ 360 triệu đồng. Tinh huy động bổ sung nguồn vốn từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất là 6.404 tỷ 640 triệu đồng, nguồn cải cách tiền lương của tỉnh chi cho đầu tư xây dựng cơ bản là 10.000 tỷ đồng.

#### \* Về phân bổ vốn:

Thực hiện bố trí 34.515 tỷ 441 triệu đồng cho 244 dự án đủ điều kiện theo quy định, bố trí 581 tỷ 359 triệu đồng vốn ODA và 903 tỷ 200 triệu đồng vốn bội chi ngân sách địa phương sau khi được ký hiệp định vay với nhà tài trợ theo quy định.

#### - Phân bổ theo nguồn vốn (so với vốn thực hiện bố trí):

+ Vốn ngân sách trung ương: 6.550 tỷ 731 triệu đồng, chiếm 18,9% vốn bố trí, phân bổ cho 5 dự án.

+ Vốn ngân sách địa phương: 27.964 tỷ 710 triệu đồng, phân bổ cho 239 dự án, tỷ lệ 81,1%, bao gồm: ngân sách cấp tỉnh: 22.723 tỷ 825 triệu đồng, tỷ lệ 81,3%, phân bổ cho 239 dự án; ngân sách cấp huyện: 5.240 tỷ 885 triệu đồng, tỷ lệ 18,7%.

- Phân bổ vốn theo ngành, lĩnh vực (so với vốn thực hiện bố trí): 115 dự án lĩnh vực hạ tầng kinh tế với tổng vốn 27.281 tỷ 617 triệu đồng, chiếm 79,04%; 118 dự án lĩnh vực hạ tầng văn hóa - xã hội với tổng vốn 1.675 tỷ 106 triệu đồng, chiếm 4,85%; 11 dự án lĩnh vực quản lý nhà nước - an ninh - quốc phòng với tổng vốn 317 tỷ 833 triệu đồng, chiếm 0,92%; vốn phân cấp theo tiêu chí 2.640 tỷ 885 triệu đồng, chiếm 7,65%.

**\* Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách**

- Tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tăng 14.000 tỷ đồng (tăng khoảng 63,6%) so với tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2024, so với số trung ương giao tăng 16.400 tỷ 640 triệu đồng (tương đương tăng 83,7%). Qua đó cho thấy năm 2025 nguồn vốn tập trung cho đầu tư công là rất lớn và tăng nhiều so với năm 2024. Ban đề nghị UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư ngay những tháng đầu năm 2025 cần đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, có nhiều giải pháp hiệu quả để thực hiện thắng lợi kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 được HĐND tỉnh thông qua.

- Đối với 44 dự án quá thời gian bố trí vốn UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, chấp thuận tiếp tục bố trí vốn thực hiện trong Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công) với số vốn là 5.983 tỷ 344 triệu đồng, theo nội dung Tờ trình của UBND tỉnh nêu nguyên nhân các dự án này trong quá trình triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, chủ yếu vướng giải phóng mặt bằng, nên chưa đảm bảo thời gian bố trí vốn theo quy định và các dự án này dự kiến hoàn thành trong năm 2025 cần thiết xem xét, bố trí vốn để dự án được tiếp tục thực hiện, sớm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả vốn đầu tư công.

- Trong kế hoạch có bố trí vốn cho 22 dự án với số vốn là 1.082 tỷ 802 triệu đồng và phê duyệt 01 dự án với số vốn bố trí là 258 tỷ 731 triệu đồng. Theo Tờ trình của UBND tỉnh có cam kết đảm bảo hoàn thiện thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2024, đảm bảo đủ điều kiện bố trí vốn theo Công văn số 8222/BKHĐT-TH ngày 08/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025<sup>17</sup>. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các thủ tục hoàn thành theo đúng tiến độ đã cam kết.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **VIII. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CHO Ý KIẾN DỰ KIẾN DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2026 - 2030**

### **1. Về thẩm quyền và sự cần thiết**

Theo điểm đ khoản 5 Điều 55 Luật Đầu tư công năm 2019 có quy định: “Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu

<sup>17</sup> Tại phần II. 2, mục (7) Công văn số 8222/BKHĐT-TH ngày 08/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quy định: “... Trường hợp chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư tại thời điểm lập kế hoạch thì trong báo cáo lập kế hoạch, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải cam kết hoàn thiện quyết định đầu tư của các dự án trước khi giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 (trước ngày 31/12/2024)”.

tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau”.

Từ cơ sở trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết về việc cho ý kiến dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

## 2. Nội dung

Qua thẩm tra nội dung Tờ trình số 6839/TTr-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

- Dự kiến nguồn vốn chi cho đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 là 131.943 tỷ 774 triệu đồng cho 368 dự án, tăng khoảng 1,5 lần so với nguồn vốn được tỉnh giao trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Phân bổ theo nguồn vốn:

+ Vốn ngân sách trung ương: 40.988 tỷ 804 triệu đồng, phân bổ cho 10 dự án chiếm 31,07% kế hoạch.

+ Vốn ngân sách địa phương: 90.954 tỷ 970 triệu đồng, phân bổ cho 358 dự án, chiếm 68,93% kế hoạch, bao gồm: ngân sách cấp tỉnh: 77.158 tỷ 089 triệu đồng, chiếm 58,48% kế hoạch; ngân sách cấp huyện: 10.719 tỷ 867 triệu đồng, chiếm 8,12% kế hoạch; vốn bội chi ngân sách địa phương 3.077 tỷ 014 triệu đồng, chiếm 2,33% kế hoạch.

- Phân bổ vốn theo ngành, lĩnh vực: 156 dự án lĩnh vực hạ tầng kinh tế với tổng vốn 95.052 tỷ 926 triệu đồng, chiếm 72,04%; 179 dự án lĩnh vực hạ tầng văn hóa - xã hội với tổng vốn 21.527 tỷ 598 triệu đồng, chiếm 16,32%; vốn phân cấp theo tiêu chí 10.719 tỷ 867 triệu đồng, chiếm 8,12%; 33 dự án lĩnh vực quản lý nhà nước - an ninh - quốc phòng với tổng vốn 4.643 tỷ 382 triệu đồng, chiếm 3,52%.

- Phân bổ vốn theo giai đoạn dự án: 44 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 với tổng vốn 21.256 tỷ 934 triệu đồng, chiếm 16,11%; 178 dự án khởi công mới, hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2030 với tổng vốn 76.089 tỷ 378 triệu đồng, chiếm 57,66%; 22 dự án khởi công mới, hoàn thành sau 2030 với tổng vốn 19.468 tỷ 135 triệu đồng, chiếm 14,75%; 98 dự án chuẩn bị đầu tư với tổng vốn 215 tỷ 110 triệu đồng, chiếm 0,16%, 24 dự án quyết toán với tổng vốn 194.350 triệu đồng, chiếm 0,15%; vốn phân cấp cho huyện 10.719 tỷ 867 triệu đồng, chiếm 8,12%; ; 1 dự án khởi công mới, hoàn thành sau năm 2030 với tổng vốn 3.000 tỷ đồng, chiếm 2,27%; 1 dự án bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển với tổng vốn 1.000 tỷ đồng, chiếm 0,76%.

- Đối với nội dung thứ tự bố trí vốn trong từng ngành, lĩnh vực: đề nghị UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn rà soát kỹ và đảm bảo thực hiện đúng thứ tự phân bổ ưu tiên và các ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, đặc biệt lưu ý thực hiện việc thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi dứt điểm số dư vốn ứng trước phải thu hồi và bố trí vốn đảm bảo theo thứ tự ưu tiên đúng quy định (nêu tại mục III. 2c và mục III. 3 của Chỉ thị).

- Vốn bội chi ngân sách địa phương (thực chất là vốn vay) là một chỉ số quan trọng phản ánh tình hình tài chính và quản lý ngân sách của một địa phương, trong kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 vốn bội chi ngân sách địa phương dự kiến là 3.077 tỷ 014 triệu đồng (01 dự án). Đề nghị UBND tỉnh đánh giá và có giải pháp sử dụng hiệu quả của nguồn vốn bội chi ngân sách này, tránh lãng phí.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **IX. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THUỘC DIỆN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA TRONG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

### **1. Kết quả thực hiện năm 2024**

Năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 24/7/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 375 công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích đất trồng lúa với tổng diện tích 3.223,13ha, trong đó có 357 công trình thuộc diện thu hồi đất với tổng diện tích đất thu hồi là 3.138,56ha và 18 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa với tổng diện tích 84,57ha. Kết quả thực hiện như sau:

- Công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất:

Có 75 công trình, dự án đã thực hiện, đạt 21% tổng số công trình, dự án (năm 2023: 22,11%); có 226 công trình, dự án đang triển khai thực hiện, chiếm 63,31% tổng số công trình, dự án (năm 2023: 65,55%); 56 công trình, dự án chưa thực hiện, chiếm 15,69% tổng số công trình, dự án (năm 2023: 12,34%).

- Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa:

Có 04 công trình, dự án đã thực hiện, đạt 22,22% tổng số công trình, dự án; có 14 công trình, dự án đang triển khai thực hiện, chiếm 77,78% tổng số công trình, dự án.

Nhìn chung, năm 2024 UBND tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2024, số lượng các công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất đạt tỷ lệ khả quan. Tuy nhiên, số công trình, dự án chưa thực hiện thu hồi đất còn khá nhiều 56 công trình chiếm tỷ lệ 15,69% tổng số công trình, dự án; công trình chuyển mục đích sử dụng đất lúa thực hiện khá chậm chỉ thực hiện xong 4 công trình, còn lại 14 công trình đang thực hiện chiếm 77,78% tổng số công trình, dự án. Nguyên nhân năm 2024 là năm giao thời giữa Luật Đất đai năm 2013 và Luật Đất đai năm 2024 với nhiều điểm mới liên quan đến thủ tục đầu tư, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đơn giá bồi thường, giải phóng mặt bằng; trình tự, thủ tục thực hiện đầu

tư xây dựng công trình, dự án gồm nhiều bước, nhiều khâu trước khi thực hiện thu hồi đất; một số dự án cần phải cắt giảm nguồn vốn đầu tư để ưu tiên thực hiện những công trình, dự án trọng điểm; việc khảo sát công trình, lập phương án thi công của chủ đầu tư đối với một số công trình, dự án còn chưa chính xác dẫn đến nhiều dự án phải điều chỉnh, kéo dài.

## **2. Về Kế hoạch năm 2025**

a) Đối với danh mục công trình, dự án đăng ký mới thực hiện thu hồi đất trong năm 2025 có 63 công trình, dự án với tổng diện tích 3.172,9ha.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: trong 63 công trình, dự án bổ sung mới năm 2025 (62 công trình, dự án thực hiện theo hình thức thu hồi đất, diện tích 3.172,86ha, 01 công trình thực hiện theo hình thức chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, diện tích 0,04ha), trong đó, vốn ngân sách: 23, vốn doanh nghiệp: 05, đấu giá: 19, vốn đấu thầu: 16. Các công trình này cơ bản đảm bảo điều kiện HĐND tỉnh thông qua việc thu hồi đất. Tuy nhiên, qua thẩm tra, Ban nhận thấy có 19 công trình, dự án chưa được ghi vốn thực hiện chính thức, chỉ mới là dự kiến bố trí vốn thực hiện, trong đó có 08 công trình, dự án chưa có chủ trương đầu tư; chưa đáp ứng tính khả thi của việc thực hiện dự án theo quy định tại Điều 67 Luật Đất đai năm 2024, cụ thể: *“Khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất”*.

Tuy nhiên, các công trình, dự án này chủ yếu là công trình, dự án nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn cấp xã và một số văn phòng áp, tỷ lệ thu hồi đất ít chủ yếu địa phương vận động người dân hiến đất. Do vậy, để tạo điều kiện địa phương thực hiện các thủ tục đảm bảo thu hồi đất, sớm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án này. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương thực hiện bố trí vốn thực hiện năm 2025 cho các dự án này trước ngày 31/12/2024 và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án này.

b) Đối với các công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa chuyển tiếp từ năm 2024 sang thực hiện trong năm 2025, có tổng số là 197 công trình, dự án (trong đó: thu hồi đất là 183, chuyển mục đích sử dụng đất lúa là 14), với tổng diện tích 2.268,68ha. Cụ thể như sau:

- Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp không có điều chỉnh là 168 công trình, dự án (trong đó: thu hồi đất là 155, chuyển mục đích sử dụng đất lúa là 13), với tổng diện tích 1.278,92ha.

- Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp có điều chỉnh là 29 công trình, dự án (trong đó: thu hồi đất là 28, chuyển mục đích sử dụng đất lúa là 01), với tổng diện tích điều chỉnh 989,76ha. Việc điều chỉnh này là điều chỉnh về vị trí, diện tích, bổ sung thông tin diện tích đất trồng lúa do khi triển khai đo đạc thực tế có sự chênh lệch so với các Nghị quyết đã ban hành.

Trong đó, có 143/197 công trình, dự án thu hồi đất với tổng diện tích là 1.614,52ha đã quá 02 năm.

Tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai năm 2024 quy định: “Diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện phải xem xét, đánh giá điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố công khai việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất hoặc hủy bỏ việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố công khai thì người sử dụng đất không bị hạn chế về các quyền sử dụng đất đã được pháp luật quy định”. Tuy nhiên, theo giải trình của UBND tỉnh tại cuộc họp thẩm tra cho thấy các công trình, dự án này đang triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; nếu thực hiện việc điều chỉnh, hủy bỏ theo quy định của Luật thì công trình dự án phải ngưng công tác bồi thường dẫn đến việc chậm trễ, không thể giao mặt bằng để thi công các công trình dự án đầu tư công theo đúng tiến độ đã đề ra để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, công tác đầu tư công gặp rất nhiều khó khăn.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy trong 143 công trình, dự án quá 2 năm, trong đó có một số công trình, dự án có thời gian kéo dài nhiều năm đã chuyển tiếp nhiều lần, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát thời gian thực hiện dự án, khả năng triển khai thực hiện dự án, có giải pháp để sớm thực hiện hoàn thành dự án này.

c) Đối với danh mục công trình, dự án không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2024 và đưa ra khỏi danh mục là 99 công trình, dự án thu hồi đất, với tổng diện tích 770,77ha. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy số lượng các công trình dự án loại bỏ ra khỏi danh mục do các nguyên nhân như: Loại bỏ theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 (*có 28 công trình được tiếp tục thực hiện mà không phải đưa vào danh mục*); ngoài ra, các dự án đã quá 02 năm nhưng chưa triển khai thực hiện, đến thời điểm hiện nay, dự án không còn phù hợp; không có khả năng thực hiện... Các công trình, dự án này đã được UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố rà soát, đánh giá và đề nghị loại bỏ.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

## **X. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐỀ ÁN KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

### **1. Sự cần thiết và thẩm quyền**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ: “Các Quỹ Hỗ trợ nông dân đã thành lập, hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải thực hiện quy trình kiến toàn tổ chức, hoạt động và trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt Đề án



kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định tại khoản 2 Điều này. . .”

Và quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 6 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ: “Đối với Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh: Ban Thường vụ Hội nông dân cấp tỉnh xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Sau khi Đề án được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Đề án”.

Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Dự thảo Nghị quyết Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền.

## **2. Về nội dung**

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến đối với các nội dung cơ bản của Đề án mà UBND tỉnh trình như sau:

- Nội dung của Địa vị pháp lý; cơ cấu, tổ chức bộ máy; hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân phù hợp với quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Tuy nhiên, qua thẩm tra Ban nhận thấy nội dung về vốn điều lệ chưa có sự thống nhất giữa dự thảo Đề án và Tờ trình số 6696/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh. Theo Đề án thì Vốn điều lệ là 105 tỷ (vốn ngân sách cấp), còn theo Tờ trình thì Vốn điều lệ là 112,779 tỷ đồng (trong đó: vốn ngân sách nhà nước cấp 105 tỷ đồng). Về nội dung này, UBND tỉnh đã có Báo cáo số 386/BC-UBND ngày 06/12/2024 giải trình cụ thể như sau:

Tổng vốn chủ sở hữu 112,779 tỷ đồng. Trong đó: vốn điều lệ 105 tỷ đồng (Vốn ngân sách cấp); vốn bổ sung từ kết quả hoạt động 7 tỷ 768 triệu đồng; vốn ủng hộ 11 triệu đồng.

Về vốn điều lệ và vốn bổ sung vốn điều lệ cụ thể như sau:

\* Vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Dương tại thời điểm phê duyệt thông qua đề án là: 105 tỷ đồng (chuyển từ vốn tạm ứng ngân sách sang vốn điều lệ).

\* Vốn bổ sung Vốn điều lệ:

- Năm 2025: cấp 25 tỷ đồng.

- Năm 2026: cấp 25 tỷ đồng.

- Năm 2027: cấp 25 tỷ đồng.

- Năm 2028: cấp 20 tỷ đồng.

Tổng vốn điều lệ giai đoạn 2024-2028: 200 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra các dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Ban Kinh tế - Ngân sách. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, Tn (4).

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**  
**TRƯỞNG BAN**

**Trần Thị Minh Hạnh**